

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1092/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 814/2022/HNST ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2022/QĐST-XX-HNGĐ ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt – có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Số 66 đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 66 đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày:

Bà và ông Lê Quốc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 154/2002, quyển số 01/P14 ngày 22/11/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay bà xin ly hôn cùng ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 29/8/2003 và Lê Ngọc Tấn T, sinh ngày 09/9/2005. Khi ly hôn bà xin được nuôi chung là Lê Ngọc Tấn T, sinh ngày 09/9/2005, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Ngọc H về việc xin ly hôn ông Lê Quốc T.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Tấn T, sinh ngày 09/9/2005 cho bà H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu. Con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Xét đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc H yêu cầu ly hôn cùng ông Lê Quốc T, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Lê Quốc T có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:*

Nguyên đơn bà Lê Ngọc H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Quốc T đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H và ông T theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2002, quyền số 01/P14 ngày 22/11/2002 của Ủy ban nhân dân Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Lê Ngọc H và ông Lê Quốc T là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lê Ngọc H trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau, cả hai không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung:* Bà H và ông T có 02 con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 29/8/2003 và Lê Ngọc Tấn T, sinh ngày 09/9/2005. Bà H xin được nuôi chung là Lê Ngọc Tấn T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 29/8/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày bà H và ông T sống ly thân thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Quốc Đ, nguyện vọng của trẻ Đ muốn sống với mẹ nên cần giao trẻ Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Do bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T và bà H có chứng cứ hai bên có tài sản chung thì sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác nếu hai bên có yêu cầu.

- *Về nợ chung:* Do bà H khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ hai bên có nợ chung thì sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác nếu ông T có yêu cầu có yêu cầu.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Lê Ngọc H phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Ngọc H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc H được ly hôn với ông Lê Quốc T. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2002, quyển số 01/P14 ngày 22/11/2002 của Ủy ban nhân dân Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Lê Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Tấn T, sinh ngày 09/9/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

Con chung là Lê Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 29/8/2003 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc bà H, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Ngọc H nộp 300.000đ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0035962 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Ngọc H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường 14, quận Tân Bình
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý